

Số: 42/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 02 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung  
đô thị mới Thạch Trụ, huyện Mộ Đức**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 782.....
	Ngày: 14/02/14
	Chuyên:.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của UBND huyện Mộ Đức tại Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 21/11/2013 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thạch Trụ huyện Mộ Đức, Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng số 2058/SXD-KTQH&ĐT ngày 31/12/2013,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thạch Trụ, huyện Mộ Đức với những nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Tên dự án:** Quy hoạch chung đô thị mới Thạch Trụ, huyện Mộ Đức.

**2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch:**

Phạm vi lập Quy hoạch chung đô thị mới Thạch Trụ, huyện Mộ Đức bao gồm vùng đất có diện tích khoảng 676,5ha thuộc thôn Thạch Trụ Đông và thôn Thạch Trụ Tây của xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi với giới cận như sau:

- Đông giáp: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, xã Phở An huyện Đức Phở.

- Tây giáp: thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức.

- Tây Nam giáp: xã Phở Phong, huyện Đức Phở.

- Nam giáp: xã Phở Thuận, huyện Đức Phở.

- Bắc giáp: thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức.

**3. Tính chất :**

- Là đô thị mới của huyện Mộ Đức, được quy hoạch định hướng phát triển theo tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Là trung tâm kinh tế - thương mại - dịch vụ, đầu mối giao thông khu vực phía Nam huyện Mộ Đức, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của huyện Mộ Đức.

- Là đầu mối giao thương giữa các huyện Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ nói riêng và của tỉnh Quảng Ngãi nói chung.

#### 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Dân số	người	10.726
<b>II</b>	<b>Sử dụng đất</b>		
1	Tổng diện tích quy hoạch	ha	676,5
2	Đất xây dựng đô thị	$m^2/người$	80 – 100
2.1	Đất dân dụng	$m^2/người$	65 - 75
	- Đất đơn vị ở bình quân	$m^2/người$	8 - 50
	- Đất cây xanh	$m^2/người$	$\geq 6$
	- Đất giao thông	$m^2/người$	15 - 20
	- Đất công trình công cộng, dịch vụ	$m^2/người$	$\geq 4$
2.2	Đất ngoài dân dụng	$m^2/người$	15 - 25
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu cơ sở hạ tầng</b>		
<b>A</b>	<b>Hạ tầng xã hội thiết yếu</b>		
1	Giáo dục		
	- Nhà trẻ mẫu giáo	$chỗ/1000dân$	50
		$m^2/học sinh$	15
	- Trường Tiểu học	$chỗ/1000dân$	65
		$m^2/học sinh$	15
	- Trường Trung học cơ sở	$chỗ/1000dân$	55
		$m^2/học sinh$	15
	- Trường Phổ thông trung học	$chỗ/1000dân$	40
		$m^2/học sinh$	15
2	Y tế		
	- Trạm y tế	$trạm/1000người$	1
	- Phòng khám đa khoa	$m^2/công trình$	3000
3	Thể dục thể thao		
	- Sân luyện tập khu dân cư	$m^2/người$	0,5-1,0
	- Sân thể thao cơ bản đô thị	$m^2/người$	0,6-1,0
	- Trung tâm TDTT tổng hợp	$m^2/người$	0,8-1,0

4	Các công trình văn hóa (thư viện, nhà văn hóa, bảo tàng, triển lãm...)	Theo tiêu chuẩn đô thị loại V	
5	Chợ	TCĐT loại V	
<b>B</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>		
1	Tỉ lệ đất giao thông	% đất XD đô thị	≥ 18%
2	Cấp nước sinh hoạt	l/người/ng.đêm	80-100
3	Cấp điện		
	- Sinh hoạt	W/người	200-330
	- Công trình công cộng, dịch vụ	% phụ tải điện sinh hoạt	30
	- Tỉ lệ chiếu sáng đường phố chính	%	≥ 85
4	Tỉ lệ đường công thoát nước mưa	% đường đô thị	60-100
5	Tỉ lệ thu gom, xử lý nước thải	% nước cấp SH	≥ 80
6	Chất thải rắn	Kg/người/ng.đêm	0,8 - 1
		Tỉ lệ thu gom	≥ 85%

### 5. Quy hoạch sử dụng đất đai:

STT	Loại đất	Năm 2025	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất trong khu dân dụng</b>	<b>136.53</b>	<b>20,18 (Q=100)</b>
I	Công trình công cộng trong khu ở	3.22	2.36
II	Đất khu ở	118.96	87.13
II.1	Đất ở chính trang	21.77	
II.2	Đất ở giai đoạn 1	58.12	
II.3	Đất ở giai đoạn 2	39.07	
<b>III</b>	<b>Đất giao thông đối nội</b>	<b>14.35</b>	<b>10.51</b>
<b>B</b>	<b>Đất ngoài khu dân dụng</b>	<b>348.76</b>	<b>51,55 (Q=100)</b>
I	Công trình công cộng đô thị	16.64	12.19
II	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	6.79	1.95
III	Đất cây xanh công viên	21.75	15.93
IV	Đất cây xanh cách ly	21.92	6.29
V	Đất tiểu thủ công nghiệp	45.4	13.02
VI	Đất dự trữ phát triển đô thị	32.35	9.28
VII	Đất làng ven đô thị	117.2	33.60
VIII	Đất dịch vụ - Nghỉ dưỡng	28.16	8.07

IX	Đất nghĩa địa	4	1.15
X	Đất mặt nước	25.5	7.31
XI	Đất Quân sự	4.8	1.38
XII	Đất giao thông đối ngoại	24.25	6.95
<b>C</b>	<b>Đất khác</b>	<b>191.21</b>	<b>30,39 (Q=100)</b>
I	Đất sản xuất năng suất thấp	157.07	82.15
II	Đất khác và đất mặt nước	34.14	17.85
	<b>Tổng cộng</b>	<b>676.5</b>	<b>100.00</b>

## 6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

- Các công trình công cộng, dịch vụ được bố trí trên trục giao thông chính, khuyến khích thiết kế hợp khối cao tầng, kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn không gian kiến trúc chung cho toàn khu.

- Các khu ở hiện trạng giữ lại được cải tạo chỉnh trang với mật độ xây dựng hợp lý. Các khu ở mới được tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau: nhà liên kề, nhà vườn biệt thự... tạo nên các không gian ở khác nhau, làm phong phú sinh động cho bộ mặt kiến trúc đô thị.

- Tuyến cảnh quan đô thị được xác định là tuyến vuông góc với Quốc lộ 1A kết nối khu du lịch phía Đông và khu tiểu thủ công nghiệp Thạch Trụ và tuyến kênh tưới Thạch Nham.

- Quy hoạch các vùng kiến trúc cảnh quan như: khu núi Thụ tạo cảnh quan điểm cao; khi đồi Đá Bạc tạo cảnh quan di tích; khu sông Thoa tạo cảnh quan mặt nước; khu suối Nước Nóng tạo cảnh quan du lịch sinh thái.

## 7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 7.1 Chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Cao độ không chế trên các tuyến đường  $\geq 3,50m$

- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xây dựng bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền trên cơ sở không phá vỡ hoặc ảnh hưởng xấu tới quá trình sử dụng của các công trình đó cũng như đảm bảo mọi hoạt động bình thường của khu dân cư hiện trạng. Nền xây dựng đảm bảo phối hợp hài hoà với khu vực xung quanh và khu vực xây dựng mới, không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Phân các ô san nền theo đường giao thông, san nền dốc dần từ giữa ra đường. Nền vỉa hè cao hơn mặt đường 0,15-0,2m tại vị trí tiếp giáp; nền sân vườn bằng vỉa hè tại vị trí tiếp giáp; nền công trình cao hơn sân vườn 0,3m-0,5m.

b) Thoát nước mưa:

- Dùng hệ thống riêng cho thoát nước mưa và thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa được chia theo dạng phân tán nhằm thoát nhanh và giảm thiểu kích thước mương, cống và hướng thoát về sông Thoa và khu vực đồng ruộng. Nhằm đảm bảo thoát nước mặt tốt cho các khu vực xây dựng, khơi thông, bảo vệ, không ngăn cản các dòng chảy tự nhiên hiện có.

- Các tuyến cống chính dùng cống tròn BTCT Ø600->Ø1400 đi dọc theo đường với độ dốc thủy lực nhỏ nhất  $I_{min} \geq 0,002$ , thu gom nước mưa từ các khu vực dẫn xả vào sông Thoa và các mương, suối hiện có trong khu vực.

- Ngoài việc đắp nền các khu vực theo cao độ khống chế cho từng loại khu vực đã nêu trên, cần phải có các biện pháp nạo vét, khơi thông các dòng chảy hiện có để thoát nước nhanh khi lũ về.

## **7.2. Quy hoạch giao thông:**

a) Đầu mối giao thông: Bến xe được bố trí khu vực Đông Nam của quốc lộ 1A khu vực quy hoạch với quy mô diện tích 4,3ha.

b) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến Quốc lộ 1A: mặt cắt ngang rộng 32m, trong đó lòng đường 20m, dải phân cách giữa 2m, vỉa hè 2x5,0m.

- Tuyến Quốc lộ 24 với mặt cắt ngang rộng 27m, trong đó lòng đường 2x7,5m, dải phân cách giữa 2m, vỉa hè 2x5,0m.

- Đường nối quốc lộ 1A (ngã tư Thạch Trụ đi xã Phở An) có mặt cắt ngang rộng 20m, trong đó lòng đường 12m, vỉa hè 2x4,0m.

c) Giao thông đối nội:

- Đường trục chính trung tâm Đông – Tây: mặt cắt ngang 26m, trong đó lòng đường 2x7,5m, dải phân cách là mương thủy lợi, vỉa hè 2x4,0m+2x3,0m = 14m.

- Các tuyến đường khác:

+ Loại đường có mặt cắt ngang rộng 20m, trong đó lòng đường 12m, vỉa hè 2x4m.

+ Loại đường có mặt cắt ngang rộng 12m, trong đó lòng đường 6m, vỉa hè 2x3m.

## **7.3. Quy hoạch cấp điện:**

- Nguồn điện: Giai đoạn đầu sử dụng lưới điện quốc gia 110kv thông qua trạm biến áp 110/35/22kv Đức Phở nằm trong khu vực nghiên cứu gần khu vực xã Phở Thuận. Về lâu dài xây dựng trạm biến áp với tổng công suất khoảng 4.000KVA nhằm đáp ứng đủ công suất theo tính toán.

- Đường dây 35kv: Toàn bộ hệ thống đường dây 35kv hiện tại được giữ nguyên, xây dựng hành lang bảo vệ tuyến mỗi bên 3m theo quy định.

- Mạng lưới 22(15)kv: Toàn bộ đường dây trung thế hiện trạng được giữ nguyên. Đề xuất thiết kế mới 2-3 xuất tuyến 22kv đầu nối với nguồn trạm trung gian 110/35/22kv.

- Trạm biến áp: Xây dựng thêm trạm công suất 4.000 KVA. Vị trí xây dựng ngay trạm hiện trạng.

- Lưới điện 0.4kv: Từ trạm biến áp phân phối tổ chức 3-4 tuyến 0.4kv theo dạng hình tia dọc theo các tuyến đường liên khu vực để cung cấp điện cho các hộ.

- Lưới chiếu sáng: Xây dựng các tuyến chiếu sáng dọc theo các trục đường. Các tuyến liên khu vực có mật cắt <10.5m bố trí chiếu sáng một bên. Một số trục đường chính có dải phân cách bố đèn chiếu sáng ở giữa dải phân cách.

#### **7.4. Quy hoạch cấp nước:**

- Nguồn nước: khai thác sử dụng nguồn nước ngầm.

- Tổng nhu cầu dùng nước của khu vực trung tâm đô thị đến năm 2025: 1.658m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Cần cải tạo, nâng công suất nhà máy máy nước để đảm bảo cung cấp đủ 80-100% cho đô thị.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp một số tuyến nhánh, đường kính ống từ Ø100 đến Ø250, đi dọc theo vỉa hè đường cấp nước đến các khu chức năng.

- Bố trí các trụ cứu hỏa dọc vỉa hè các trục đường, gần nút giao thông, trên các tuyến ống có đường kính Ø≥100, khoảng cách giữa các trụ 150m.

#### **7.5. Hệ thống thông tin liên lạc:**

- Nguồn tín hiệu chính: lấy từ trạm Host tại trung tâm huyện lỵ Mộ Đức thông qua trạm vệ tinh cấp cho khu vực. Tương lai khai thác dịch vụ từ vệ tinh Vinasat.

- Tổng nhu cầu : khoảng 6.430 thuê bao.

- Nâng cấp và lắp đặt thêm các đường DSLAM có tốc độ cao.

- Hệ thống thông tin liên lạc bố trí theo tuyến riêng, sử dụng cáp ngầm đi dọc theo các trục đường, cung cấp từ trạm tổng đài đến các tủ cáp trong khu vực.

#### **7.6. Quy hoạch thoát nước thải và VSMT:**

a) Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn cho nước thải sinh hoạt và sản xuất. Hệ thống thoát nước thải có trạm bơm và trạm làm sạch nước thải tập trung.

- Quy hoạch 03 trạm xử lý nước thải tại phía Bắc, phía Đông Nam và phía Tây Nam đô thị, với tổng công suất ngắn hạn khoảng 750 m<sup>3</sup>/ngàyđêm (dài hạn nâng cấp lên công suất khoảng 1.110m<sup>3</sup>/ngàyđêm).

- Hệ thống thu gom nước thải giai đoạn ngắn hạn xây dựng 1 trạm bơm trung chuyển 120m<sup>3</sup>/ngàyđêm. Giai đoạn dài hạn xây dựng thêm 2 trạm bơm với tổng công suất cả 03 trạm bơm trung chuyển 345 m<sup>3</sup>/ngàyđêm.

- Hệ thống đường ống thoát nước thải dùng công tròn tự chảy Ø300-> Ø400, kết hợp một số đoạn công áp lực có đường kính Ø200, đi dọc theo vỉa hè các tuyến thu gom nước thải từ khu vực dẫn về trạm xử lý.

- Nước bẩn sinh hoạt từ các công trình và hộ gia đình phải được xử lí bằng bể tự hoại hợp vệ sinh trước khi xả vào hệ thống chung.

**b) Vệ sinh môi trường:**

- Chất thải rắn phát sinh trong đô thị phải được phân loại, thu gom, tập kết về các điểm trung chuyển trước khi vận chuyển đến khu xử lý chung của huyện Mộ Đức.

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý; các cơ quan và hộ gia đình phải tự giác tập hợp chất thải rắn của mình vào đúng các vị trí qui định.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

*(Phân chi tiết có thuyết minh và bản vẽ kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức :

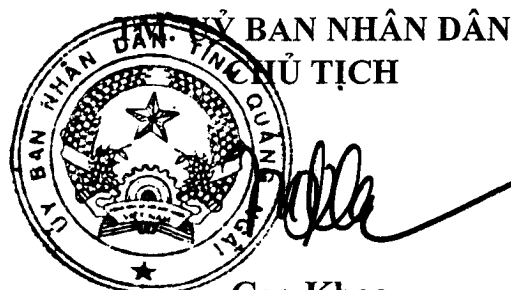
- Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung được duyệt;
- Tổ chức công bố, công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện;
- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai cụ thể theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Chủ tịch UBND xã Đức Lĩnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy Mộ Đức;
- VPUB: C, PCVP(CN), CB;
- Lưu: VT, CNXD.tls.31



**Cao Khoa**